

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC

Số: 37-LCT/HĐNN8

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 1990

## PHÁP LỆNH

### NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Để xác định trách nhiệm quản lý Nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc xây dựng và thực hiện chính sách tiền tệ của Nhà nước, tạo thuận lợi cho sự phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, phù hợp với đường lối đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý sản xuất kinh doanh, đồng thời bảo vệ lợi ích hợp pháp của các tổ chức và cá nhân;

Căn cứ vào Điều 19 và Điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Pháp lệnh này quy định tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

### CHƯƠNG I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gọi tắt và Ngân hàng Nhà nước, là cơ quan của Hội đồng bộ trưởng, có chức năng quản lý Nhà nước về hoạt động tiền tệ, tín dụng, ngân hàng trong cả nước, nhằm ổn định giá trị đồng tiền; là cơ quan duy nhất phát hành tiền của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

##### Điều 2

Ngân hàng Nhà nước là một pháp nhân, đặt trụ sở tại Thủ đô Hà Nội, có các chi nhánh ở những nơi cần thiết trong nước và văn phòng đại diện ở ngoài nước.

##### Điều 3

Ngân hàng Nhà nước có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1- Tham gia xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chính sách liên quan đến các hoạt động tiền tệ; xây dựng các dự án pháp luật về hoạt động tiền tệ, tín dụng, thanh toán, ngoại hối và ngân hàng;

- 2- Ban hành các văn bản pháp quy thuộc thẩm quyền của mình về tiền tệ, tín dụng, thanh toán, ngoại hối và ngân hàng; thi hành và kiểm tra việc thi hành các văn bản pháp luật về tiền tệ, tín dụng, thanh toán, ngoại hối và ngân hàng;
- 3- Thực hiện vai trò ngân hàng đối với các tổ chức tín dụng;
- 4- áp dụng các biện pháp quản lý nhằm bảo đảm sự tôn trọng các nguyên tắc hoạt động nghiệp vụ của các tổ chức tín dụng;
- 5- Tổ chức in, đúc, bảo quản tiền dự trữ phát hành, thực hiện nghiệp vụ phát hành tiền và quản lý lưu thông tiền tệ;
- 6- Nhận và trả tiền gửi của kho bạc Nhà nước, của các cơ quan nước ngoài và tổ chức quốc tế; cho ngân sách Nhà nước vay, khi cần thiết;
- 7- Quản lý Nhà nước về ngoại tệ và vàng, lập cán cân thanh toán quốc tế, thực hiện các nghiệp vụ hối đoái, kinh doanh ngoại hối trên thị trường quốc tế;
- 8- Bảo quản dự trữ Nhà nước về ngoại tệ và vàng;
- 9- Trực tiếp ký kết hoặc được uỷ quyền ký kết các điều ước quốc tế về tiền tệ, tín dụng, thanh toán, ngoại hối và ngân hàng;
- 10- Đại diện cho Chính phủ tại các tổ chức tiền tệ, tín dụng, ngân hàng quốc tế;
- 11- Thanh tra các tổ chức tín dụng trong việc chấp hành pháp luật về tiền tệ, tín dụng, thanh toán, ngoại hối và ngân hàng;
- 12- Tổ chức đào tạo nghiệp vụ - kỹ thuật ngân hàng.

## **CHƯƠNG II**

### **TỔ CHỨC CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

#### **MỤC I**

#### **QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

#### **Điều 4**

- 1- Việc quản trị Ngân hàng Nhà nước do Hội đồng quản trị đảm nhiệm.
- 2- Hội đồng quản trị có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:
  - a) Tư vấn cho Chính phủ về các vấn đề tiền tệ, kinh tế và tài chính;

- b) Thông qua các dự án pháp luật, chính sách về tiền tệ, tín dụng, ngoại hối và ngân hàng trước khi Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trình Hội đồng bộ trưởng;
- c) Giám sát tất cả các cơ quan, đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước trong việc thi hành nhiệm vụ được giao;
- d) Quyết định tỷ lệ dự trữ tối thiểu bắt buộc, lãi suất tái chiết khấu, tỷ lệ mua công trái và các tỷ lệ an toàn khác đối với các tổ chức tín dụng;
- e) Quyết định các nghiệp vụ in, đúc, phát hành, thu hồi, thay thế, tiêu huỷ tiền giấy và tiền kim loại;
- g) Thông qua dự toán, quyết toán năm tài chính và báo cáo hàng năm của Ngân hàng Nhà nước.

## **Điều 5**

Hội đồng quản trị gồm có các thành viên:

- Chủ tịch là Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
- Phó Chủ tịch là Phó Thống đốc thứ nhất;
- 4 uỷ viên cấp thứ trưởng đại diện của Bộ tài chính, Bộ thương nghiệp, Uỷ ban kế hoạch Nhà nước, Uỷ ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư;
- 4 uỷ viên được chọn trong số chuyên gia kinh tế, tiền tệ.

Các uỷ viên Hội đồng quản trị phải tinh thông về tiền tệ.

## **Điều 6**

Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm các uỷ viên Hội đồng quản trị đại diện của các bộ, Uỷ ban Nhà nước, do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Uỷ ban hữu quan cùng Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đề nghị, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng quyết định.

Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm các uỷ viên khác của Hội đồng quản trị do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đề nghị, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng quyết định.

## **Điều 7**

Nhiệm kỳ của mỗi uỷ viên Hội đồng quản trị là 5 năm. Sau 2 năm rưỡi của nhiệm kỳ đầu, một nửa số uỷ viên đại diện các Bộ, Uỷ ban và một nửa các uỷ viên khác được thay thế bằng cách rút thăm. Các uỷ viên có thể được bổ nhiệm lại.

## **Điều 8**

Không được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị:

- 1- Cả hai vợ chồng; những người thân thuộc trực hệ ba đời; những người cùng là hội viên, cổ đông của một công ty cổ phần;
- 2- Thành viên Hội đồng quản trị, tổng giám đốc, giám đốc hoặc nhân viên của một tổ chức tín dụng;
- 3- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về tội phạm hình sự.

## **Điều 9**

Không còn là thành viên Hội đồng quản trị trong những trường hợp sau đây:

- 1- Vi phạm quy định tại Điều 8 của Pháp lệnh này;
- 2- Có đơn xin từ chức và được Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng chấp thuận;
- 3- Không còn khả năng, điều kiện để thi hành nhiệm vụ và được xác nhận theo quy định của pháp luật.

## **Điều 10**

Phiên họp của Hội đồng quản trị phải có mặt ít nhất là 6 thành viên Hội đồng quản trị, trong đó phải có Chủ tịch hoặc nếu Chủ tịch vắng mặt, thì phải có Phó Chủ tịch.

## **Điều 11**

Hội đồng quản trị quyết nghị theo đa số phiếu của những thành viên có mặt. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau, phiếu của Chủ tịch hay Phó Chủ tịch chủ tọa phiên họp là quyết định.

## **Điều 12**

Bên cạnh Hội đồng quản trị có một giám sát viên của Chính phủ. Giám sát viên tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu, nhưng không biểu quyết; trong trường hợp có ý kiến khác với quyết nghị của Hội đồng quản trị, phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng.

Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm giám sát viên do Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng quyết định.

## **Điều 13**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng ban hành.

## **MỤC II**

### **ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

## **Điều 14**

1- Ngân hàng Nhà nước đặt dưới quyền điều hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước là thành viên Hội đồng bộ trưởng. Giúp việc Thống đốc có một số Phó Thống đốc, trong đó có một Phó Thống đốc thứ nhất.

2- Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Hội đồng quản trị;
- b) Điều hành hoạt động của Ngân hàng Nhà nước;
- c) Quyết định tổ chức bộ máy, quy chế hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các chi nhánh và văn phòng đại diện Ngân hàng Nhà nước;
- d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật nhân viên Ngân hàng Nhà nước theo Quy chế viên chức Nhà nước;
- e) Tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ, tín dụng, các quy định của Ngân hàng Nhà nước và nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- g) Trong phạm vi quyền hạn được giao, ký kết những điều ước quốc tế và hợp đồng về tiền tệ, tín dụng, thanh toán, ngoại hối và ngân hàng;
- h) Khởi kiện vụ kiện dân sự, đề nghị khởi tố vụ án hình sự, liên quan đến hoạt động tiền tệ, tín dụng, thanh toán, ngoại hối và ngân hàng;
- i) Thay mặt Hội đồng quản trị trình Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng báo cáo hàng năm về hoạt động của Ngân hàng Nhà nước.

## **Điều 15**

1- Tổ chức thanh tra Ngân hàng Nhà nước đặt dưới sự điều hành của Chánh thanh tra. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chánh thanh tra Ngân hàng Nhà nước do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đề nghị, Tổng thanh tra Nhà nước trình Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng quyết định.

2- Thanh tra Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc thanh tra các tổ chức tín dụng trong cả nước và quản lý công tác thanh tra đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, theo nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Pháp lệnh thanh tra.

## **Điều 16**

Viện kiểm soát hoạt động của các cơ quan và đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước do Tổng kiểm soát Ngân hàng Nhà nước đảm nhiệm. Tổng kiểm soát do Thống đốc Ngân hàng Nhà